TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30-06-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Huỳnh Thị Mỹ Trang**

Bà **Trần Thị Kim Tân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 30/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2023về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Tuấn T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: 1 ấp T, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn*: Chị **Hoàng Thu T1**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(*Anh T1, chị Thanh vắng m tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2023, bản tự khai và trong quá trình làm việc nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn T trình bày: Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, anh và chị Hoàng Thu T1 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2020. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, chị T1 không tôn trọng anh và gia đình anh,

thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của anh và cha mẹ anh nên từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 09/2022 cho đến nay. Nay anh thấy không còn tình cảm với chị Hoàng Thu T1 nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 28/12/2021. Hiện nay cháu T2 đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T1 mỗi tháng 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc, bị đơn chị Hoàng Thu T1 trình bày:

Chị thống nhất lời trình bày của anh Nguyễn Tuấn T về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, không phụ giúp, hỗ trợ chị trong việc chăm sóc và giáo dục con cái, khi chị nhắc nhở thì anh T có những lời lẽ xúc phạm danh dự của chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hơn nữa, anh T còn có những mối quan hệ không rõ ràng bên ngoài nên làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị. Anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Tuấn T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 28/12/2021. Hiện nay cháu T2 đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn T và chị Hoàng Thu T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt anh T1, chị T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn T có đơn khởi kiện ly hôn với chị Hoàng Thu T1, do đó xác định anh T1 là nguyên đơn, chị T1 là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn T và chị Hoàng Thu T1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: Cả anh Nguyễn Tuấn T, chị Hoàng Thu T1 đều thừa nhận cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc, anh chị hay cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Hiện nay anh chị không còn tình cảm với nhau. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Tuấn T và chị Hoàng Thu T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho anh T1 được ly hôn với chị T1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Anh T1 và chị T1 thống nhất là sau khi ly hôn, giao cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 28/12/2021 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Tuấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Anh T, chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn T ly hôn chị Hoàng Thu T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 28/12/2021 cho chị Hoàng Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tuấn T cấp dưỡng nuôi con cho chị Hoàng Thu T1 mỗi tháng 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T1 được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (sau khi bản án có hiệu lực pháp luật), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tuấn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007595 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ thành tiền án phí. Anh Nguyễn Tuấn T còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Anh T, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *CCTHADS H.Xuân Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã nơi kết hôn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Huệ